

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Việt Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2022/TLST-DS ngày 25/7/2022 về việc “tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022/QĐXXST-DS ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐST-KDTM ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty MK;

Địa chỉ: Quốc lộ b, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A, sinh năm ...; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số s, đường T, Phường m, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm ...; chức vụ: Kế toán trưởng; địa chỉ: Số m, đường Đ, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022.

- Bị đơn: Công ty HN;

Địa chỉ: Tầng a, Khu đô thị mới C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm ...; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: N, Tổ s, Phường Y, Quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Phạm Ngọc C, sinh năm ...; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số b, đường L, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty MK có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Công ty MK có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty HN để thi công công trình Xây dựng trụ sở Chi nhánh VCB Đồng Tháp tại số 66, đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT.2019/HANDICO36-MK ngày 29/10/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 05/01/2020 đến ngày 30/5/2021, nguyên đơn đã tiến hành cung cấp bê tông tươi cho bị đơn theo nhiều đợt với tổng giá trị hàng hóa phải thanh toán là 5.372.522.000 đồng, phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 5.282.734.000 đồng. Do đó, vào ngày 31/5/2021 Công ty MK tiến hành kết toán, đối trừ các khoản tiền nêu trên thì Công ty HN còn nợ của Công ty MK số tiền là 5.372.522.000 đồng - 5.282.734.000 đồng = 89.780.000 đồng, có các hóa đơn giá trị gia tăng và bảng kê công nợ kèm theo. Tuy nhiên, khi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ thì phía bị đơn chỉ đồng ý có nợ nguyên đơn số tiền 76.403.000 đồng, qua thương lượng thì hai bên thống nhất bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 76.403.000 đồng.

Nay Công ty MK yêu cầu buộc Công ty HN phải thanh toán cho Công ty MK số tiền 76.403.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 31/3/2022 đến 10/5/2022 (1.33 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 843.413 đồng. Tổng cộng là 77.246.413 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi kết thúc vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, theo đó nguyên đơn yêu cầu Công ty HN trả cho Công ty MK số tiền 76.403.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, không yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng đối với bị đơn từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành.

Bị đơn, Công ty HN đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của Công ty MK và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố Cao Lãnh và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Công ty MK yêu cầu Công ty HN trả số tiền còn nợ là 76.403.000 đồng.

Xét Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT.2019/HANDICO36-MK ngày 29/10/2019 được ký kết giữa Công ty MK và Công ty HN thể hiện Công ty MK có bán cho Công ty HN sản phẩm là bê tông thương phẩm mác 150, 200, 300, 400, R28. Tại Điều IV Hợp đồng có quy định bên A (Công ty HN) phải thanh toán 100% giá trị đợt đổ trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ gồm hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu giao nhận bê tông, biên bản xác nhận khối lượng từng đợt đổ, biên bản đối chiếu công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng kinh tế này do các bên tự nguyện xác lập và đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019 nên buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty MK đã cung cấp bê tông tươi cho Công ty HN để thi công công trình nhưng Công ty HN chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng năm 2020 và 2021, giấy đề nghị thanh toán lập ngày 31/3/2022 thể hiện đến thời điểm ngày 31/5/2021 Công ty HN có nợ tiền mua bê tông tươi của Công ty MK là 76.403.000 đồng. Công ty MK đã gửi giấy đề nghị thanh toán yêu cầu Công ty HN thanh toán số tiền trên vào ngày 08/4/2022 và Công ty HN đã nhận được vào ngày 12/4/2022 nhưng vẫn

chưa thanh toán cho Công ty MK. Do đó, Công ty HN phải có trách nhiệm thanh toán tiền còn thiếu cho Công ty MK theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2019 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng đối với bị đơn từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 đối với tiền chậm trả khi có đơn yêu cầu thi hành mà không yêu cầu áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 và Điều 50 của Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MK.

Buộc Công ty HN có trách nhiệm trả cho Công ty MK số tiền 76.403.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty MK không yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng đối với Công ty HN từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh, thương mại là 3.820.150 đồng.

Công ty MK không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận tiền tạm ứng án phí là 1.931.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011360 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân